TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2017/HNGĐ - ST
Ngày 27/7/2017
V/v Ly hôn giữa anh V và chị H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Trí

Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi công tác: Công an P, Tổng cục 8, Bộ Công an

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi công tác: Trường mầm non M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/12/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống

hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 3/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu quá ngắn nên không tìm hiểu kỹ về tính cách, sở trường của mỗi người. Quá trình chung sống xảy ra bất đồng quan điểm về mọi mặt, cãi vã, xích mích gia đình. Mỗi người công tác mỗi nơi, chị H công tác ở huyện X còn anh công tác ngoài thành phố A, điều kiện đi lại không được nhiều. Tính chất công việc của anh có nhiều áp lực nhưng khi anh về nhà thì anh không cảm nhận được tình cảm của chị dành cho anh, chia sẻ buồn vui trong cuộc sống, anh không đạt được những điều anh mong muốn, sống không đúng nghĩa vợ chồng. Năm 2016 chị H làm đơn xin ly hôn và gửi ra thôn nhưng thôn hòa giải cho hai bên đoàn tụ nên anh chị rút đơn về. Sau này chung sống không hòa thuận, anh bảo chị viết đơn sau đó chị xé đi nên anh viết đơn. Vợ chồng thôi quan hệ sinh lý đã hơn 2 năm. Hiện nay chị H không có thai nghén. Tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên anh V xin được ly hôn với chị H.

Về con: Anh V và chị H có 02 con chung là Trần Hương G, sinh ngày 15/12/2011 và Trần Khánh L, sinh ngày 06/8/2013 đang ở với chị H. Hiện nay anh đang công tác tại P, thu nhập 9.000.000đ/tháng. Anh có nguyện vọng xin được nuôi cháu Trần Hương G còn chị H nuôi cháu Trần Khánh L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị H nuôi cả hai con thì anh không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay điều kiện của anh khó khăn, công nợ còn nhiều (hơn 500.000.000đ) nên anh không biết có tiếp tục công tác được hay không.

Về tài sản và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 18 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn chị thống nhất với ý kiến trình bày của anh V. Sau khi cưới vợ chồng sống xa cách, chị công tác ở huyện X còn anh công tác ở thành phố A nên chị thuê nhà trọ ở C để ở. Anh V muốn mua sắm ti vi để cho con xem nhưng do vợ chồng mới cưới, kinh tế còn eo hẹp nên chị không đồng ý vì đang có máy vi tính thay thế để xem. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng đã giàn xếp được. Đến tháng 7/2013, anh V được vào Phân trại số C, tỉnh Nghệ An đi học. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014, do anh V không quan tâm đến vợ con, xa vào bài bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Chị và hai bên gia đình đã khuyên răn anh. Đến năm 2015 chị về bên nội ở, được một vài tháng bình thường, đến tháng 2/2015 do anh vay nợ nhiều nên mọi người đến hỏi. Anh đưa ra lý do học hành yêu cầu chị đưa tiền cho anh. Chị đưa tiền cho anh đóng học phí nhưng anh không đóng mà chơi bời nên chị phải vay nợ để đóng học phí, chi phí cho anh. Anh lăng mạ

chị và nói 2 đứa con không phải con anh, vợ chồng xảy ra cãi nhau rất nhiều lần. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình cũng đã góp ý, động viên anh để anh phấn đấu công tác, học hành và quan tâm đến con nhiều hơn nhưng anh V vẫn không thay đổi, không sống đúng nghĩa vợ chồng, chửi bới chị và gia đình. Từ ngày 16/ 3/2017 chị và 2 con về bên ngoại ở hẳn. Chị có gọi điện, nhắn tin cho anh V để níu kéo nhưng anh V không phản hồi. Năm 2016 chị có làm đơn xin ly hôn gửi đến ban thôn để xin ly hôn. Thôn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh V đã viết bản cam kết để vợ chồng quay trở về đoàn tụ và rút đơn về. Sau đó, vợ chồng chung sống vẫn không hòa thuận, anh V bảo chị viết đơn, sau đó chị xé đi nên anh V viết đơn. Anh V trình bày vợ chồng quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 3/2013 là không đúng vì chị và anh V quan hệ sinh lý lần cuối vào ngày 05/3/2017, từ đó đến nay không quan hệ sinh lý trở lại mà sống ly thân. Nếu anh V một mực ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung như anh V trình bày. Cả 2 cháu hiện đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con vì điều kiện anh V thời gian hạn chế, 1 tuần chỉ được về nhà 2 đêm. Hoàn cảnh gia đình của anh, mẹ thì ở trong nam trông cháu, bố thì đi làm, anh trai bị bệnh tâm thần, 2 con của chị là gái. Vì vậy, chị không yên tâm giao con cho anh V. Bản thân chị đi làm có thời gian, đảm bảo cho con học tập và sinh hoạt tốt. Về phía gia đình chị cũng có điều kiện, nếu ly hôn chị sẽ nhờ ông bà ngoại hỗ trợ trông nom, chăm sóc. Chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ/tháng, 2 con là 4.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 4/2017 đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh V được ly hôn chị H. Về con chung: Anh V điều kiện công tác trong ngành Công an, ít có thời gian trông nom, chăm sóc con nên giao chị nuôi cả 2 con chung và cấp dưỡng 1.200.000đ/tháng/1 cháu. Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị H dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống, quan điểm, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Anh V ít quan tâm đến vợ con mà chơi bời, dẫn đến nợ nần nhiều. Một phần do điều kiện công tác anh V ít có thời gian dành cho gia đình nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Về thời điểm ly thân, tuy anh chị khai khác nhau nhưng đều thống nhất đã ly thân, không còn quan tâm nhau. Hiện nay chị H không có thai nghén. Tại bản tự khai và các buổi hòa giải chị H xin được đoàn tụ nhưng anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa chị H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh V được ly hôn chị H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con: Anh V và chị H có 2 con chung là cháu G và cháu L, cả 2 cháu đang ở với chị H. Theo Giấy xác nhận ngày 24/5/2017 của Trại giam P về mức lương của anh Trần Văn V là 9.000.000đ/tháng, Biên bản xác minh ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống và Bảng lương Trường mầm non M cung cấp, mức lương của chị H là 3.600.000đ/tháng. Xét thấy, nguyện vọng của anh chị xin được nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét các điều kiện của mỗi người để đảm bảo cho con được phát triển tốt nhất. Hiện nay anh V công tác tại Trại giam P, thời gian dành chăm sóc con rất hạn chế, ông bà nội đã lớn tuổi và bà đang ở trong miền nam, gia đình lại có người bệnh tâm thần. Về phía chị H là giáo viên mầm non, 2con còn nhỏ và đều là gái, cần sự chăm sóc, dạy dỗ tỉ mỉ của người mẹ hơn. Hội đồng xét xử xét thấy giao 2 con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng mức chị H yêu cầu là quá cao so với số con chung và điều kiện anh V hiện nay đang có số nợ lớn. Vì vậy, mức cấp dưỡng 1.200.000đ/tháng/1 cháu như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ thời điểm xét xử (tháng 7/2017).

- Về tài sản và nợ chung: Anh V, chị H không yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí: Anh V khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu, cho anh Trần Văn V được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 2 con chung là Trần Hương G, sinh ngày 15/12/2011 và Trần Khánh L, sinh ngày 06/8/2013. Anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.200.000đ/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), hai con là 2.400.000đ/tháng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) kể từ tháng 7/2017 đến khi 2 con thành niên và có khả năng lao động. Anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006363 ngày 14/4/2017. Anh V còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt anh V và chị H. Anh V, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huệ